TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1051/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 11 - 2022
V/v Ly hôn giữa bà K và ông Kh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 886/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thái Quỳnh K, sinh năm: 1981

Địa chỉ: A/55/27 đường J, tổ I, khu phố U, Phường Y, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm: 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: R đường H, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Trịnh Hóc Ch, sinh năm: 1952

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1948

Cùng địa chỉ: O đường E, tổ Q, khu phố 1, Phường F, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trịnh Thái Quỳnh K trình bày: Bà Trịnh Thái Quỳnh K và ông Nguyễn Đăng Kh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 01/2012, quyển số: 03/2012 ngày 11 tháng 01 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với bố mẹ của ông Kh tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng rất yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình khi đó cũng khá đầm ấm và hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đôi lúc có xảy ra cãi vã nhau; ngoài ra còn do ông Kh còn hay chơi game bắn cá, rượu chè, bỏ bê không quan tâm chăm sóc con cái, bà K đã nhiều lần góp ý, khuyên nhủ nhưng ông Kh vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm vào tháng 4/2020, ông Kh bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở riêng và đến tháng 6/2020 bà K cũng bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Bà K nhận thấy thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn, vì vậy bà kiện yêu cầu được ly hôn với ông Kh. Về ý kiến của ông Kh cho rằng bà không quan tâm đến gia đình là không đúng, còn ông Kh cho rằng chỉ đồng ý ly hôn khi cha mẹ bà K (là ông Trịnh Hóc Ch và bà Nguyễn Thị H1) trả hết nợ vay cho ông Kh, theo bà K đây là tài sản riêng của ông Kh, không phải là tài sản chung của vợ chồng, việc vay mượn tiền này không liên quan đến vụ án.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trịnh Thái Quỳnh K và ông Nguyễn Đăng Kh có với nhau 02 người con chung Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày: 11/3/2014. Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hiện tại chi phí nuôi mỗi cháu từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/tháng nên bà K yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi hai con chung là 10.000.000đ (Mười triệu) đồng/01 tháng, cụ thể cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 5.000.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 01/12/2022 đến khi hai con chung tròn đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà K khai không có.

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh thống nhất với lời khai của bà Trịnh Thái Quỳnh K về điều kiện tiến tới hôn nhân, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Ông Kh trình bày bổ sung về nguyên phát sinh mâu thuẫn một phần còn do bà K không lo vun vén hạnh phúc gia đình, không làm tròn bổn phận người vợ, người con dâu trong gia đình, không quan tâm đến chồng. Bên cạnh đó, ông Kh phủ nhận ý kiến của bà K khi cho rằng ông bỏ bê, không quan tâm chăm sóc con cái và chơi game bắn cá, thực tế ông không bỏ bê gia đình, ông vẫn lo cho con cái, tất cả chi tiêu trong gia đình đều do ông lo và ông không chơi game bắn cá như bà K trình bày. Ông Kh thừa nhận có hay đi nhậu như bà K trình bày, nhưng do tính chất công việc làm tại Công ty H nên ông phải thường xuyên đi tiếp khách. Ông Kh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bản thân ông không còn tình cảm với vợ và không mong muốn đoàn tụ, tuy nhiên ông chỉ đồng ý

yêu cầu ly hôn với điều kiện cha mẹ của bà K (là ông Trịnh Hóc Ch và bà Nguyễn Thị H1) phải trả hết khoản nợ vay cho ông, theo ông Kh đây là tài sản riêng của ông cho cha mẹ bà K vay.

Về con chung: Ông Nguyễn Đăng Kh và bà Trịnh Thái Quỳnh K có 02 người con chung Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày: 11/3/2014. Hiện nay hai con chung đang do bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Kh xác nhận kể từ thời điểm bà K đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ bà K sinh sống, ông Kh không qua lại thăm, chăm sóc các con, lý do là vì gia đình bên vợ làm mất mặt ông nên ông không muốn qua nhà bố mẹ vợ. Về yêu cầu của bà K được trực tiếp nuôi hai con chung cũng như yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con thì ông Kh không đồng ý. Ông Kh chỉ đồng ý giao hai con chung cho bà K nuôi với điều kiện bố mẹ của bà K phải trả hết tiền nợ cho ông. Theo ông Kh, công việc chính hiện nay của ông Kh làm nhân viên hành chánh kho hàng Công ty Trách nhiệm hữu hạn bia và nước giải khát Heineken Việt Nam, với mức thu nhập chính 38.589.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông Kh khai không có.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2022 và 02/11/2022, người làm chứng ông Trịnh Hóc Ch và bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị Trịnh Thái Quỳnh K là con gái của ông Trịnh Hóc Ch và bà Nguyễn Thị H1. Do mâu thuẫn vợ chồng trước đó nên vào đầu năm 2020, chị K đã dẫn theo 02 cháu Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày: 11/3/2014 chuyển về sống cùng với vợ chồng ông bà tại địa chỉ 110/55/27 đường số 30, tổ 6, khu phố 1, Phường F, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Trong thời gian chị K và hai cháu sống cùng với ông bà, anh Nguyễn Đăng Kh (chồng chị K và là bố đẻ của hai cháu Mai K1 và Đăng K2) không đến thăm nom, chăm sóc các cháu, mặc dù chị K và ông bà luôn tạo điều kiện để cha con được gần nhau. Hiện nay hai cháu Mai K1 và Đăng K2 đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bên cạnh đó, vợ chồng ông bà có phụ giúp thêm là đưa đón hai cháu đi học và chăm sóc hai cháu. Trong thời gian hai cháu ở với mẹ, chị K đã nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu rất tốt. Hiện nay chị K có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi hai cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thái Quỳnh K là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà K được ly hôn với ông Nguyễn Đăng Kh. Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh

ngày: 11/3/2014 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Kh cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 5.000.000đ (năm triệu) đồng/01 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Trịnh Thái Quỳnh K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đăng Kh và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh có địa chỉ cư trú tại 32/8 đường Tống Văn Hên, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh về điều kiện để nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thái Quỳnh K và ông Nguyễn Đăng Kh chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 01/2012, Quyển số: 03/2012 ngày 11 tháng 01 năm 2012 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Kh là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo bà K xuất phát là do tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đôi lúc có xảy ra cãi vã nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Kh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân như bà K trình bày. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Như vậy, sự việc mâu thuẫn giữa vợ chồng bà K và ông Kh đã xảy ra từ lâu như bà K trình bày là có thật. Tại phiên tòa cả hai đều cho rằng, mặc dù trong thời gian ly thân đã có thời gian để cả hai suy nghĩ hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng cũng không được cải thiện, cả hai vẫn không quay trở lại để sống chung với nhau mà vẫn tiếp tục sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai,

điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà K với ông Kh đã trầm trọng. Ông Kh xác định không còn tình cảm với vợ, không mong muốn được đoàn tụ nên việc bà K yêu cầu được ly hôn cũng phù hợp với ý chí nguyện vọng của ông Kh. Bên cạnh đó, việc ông Kh đưa ra lý do cha mẹ bà K (là ông Trịnh Hóc Ch và bà Nguyễn Thị H1) đang nợ tiền của ông Kh để không đồng ý ly hôn là không chính đáng. Tại phiên tòa, cả hai bên đương sự đều xác định đây là tài sản riêng của ông Kh, do đó xét thấy giao dịch vay mượn tiền giữa ông Kh với vợ chồng ông Trịnh Hóc Ch, bà Nguyễn Thị H1 (nếu có) không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp về khoản tiền vay thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Như vậy, đã đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà K và ông Kh đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa. Vì vậy, với yêu cầu xin ly hôn của bà K là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà K có nguyện vọng xin được nuôi hai cháu Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày: 11/3/2014. Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của các đương sự, bà K và ông Kh không có sự thỏa thuận về việc nuôi con chung. Thời điểm hiện tại, hai cháu Mai K1 và Đăng K2 đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng các cháu. Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2022, hai cháu Mai K1 và Đăng K2 trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, vì vậy cần phải tôn trọng nguyện vọng của hai cháu. Cháu Mai K1 mới hơn 09 tuổi, còn cháu Đăng K2 mới hơn 08 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ.

Về điều kiện kinh tế để nuôi con chung, thấy rằng hiện tại bà K có chỗ ở ổn định tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện sinh hoạt tốt, thời gian làm việc hành chính. Ngoài ra, bà K còn sở hữu một căn nhà tại địa chỉ R, khu phố 3, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh và một mảnh đất tại xã T, huyện L, tỉnh N. Hiện tại bà K làm việc tại Công ty Q với mức thu nhập ổn định hơn 14.000.000 đồng/01 tháng; ngoài thu nhập từ công việc chính là Nhân viên văn phòng, bà K còn đang kinh doanh cho thuê dãy phòng trọ, có tiền tiết kiệm gửi ngân hàng. Trong khi đó ông Kh không có chỗ ở ổn định, đang phải đi thuê phòng trọ. Tại Biên bản xác minh ngày 31/10/2022, Tổ trưởng Tổ dân phố

nơi bà Trịnh Thái Quỳnh K cư trú xác nhận: *"Hiện nay hai cháu Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày: 11/3/2014 có sống chung với bà Trịnh Thái Quỳnh K và cha mẹ đẻ của bà K ở địa chỉ C đường số G, tổ J, khu phố A, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu rất tốt. Bà K có việc làm, thu nhập ổn định, hoàn toàn đủ điều*

kiện nuôi hai cháu Mai K1 và Đăng K2". Tại phiên tòa, bà K cũng đã đưa ra được hướng cụ thể về cách dạy dỗ, chăm sóc con chung nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đó, cho thấy bà K có điều kiện đầy đủ hơn về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn ông Kh.

Mặt khác, theo lời trình bày của bà K và lời khai của những người làm chứng là ông Trịnh Hóc Ch, bà Nguyễn Thị H1 thì kể từ thời điểm bà K dẫn theo hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, bà K và các thành viên gia đình bà K vẫn luôn tạo điều kiện để ông Kh đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung để cha con được gần nhau và không hề có sự cản trở nào, nhưng ông Kh không chủ động liên lạc để hỏi han các con và cũng không qua lại thăm nom, chăm sóc các con, bỏ mặc các con cho bà K nuôi; điều này cũng đã được ông Kh thừa nhận khi cho rằng lý do ông không chủ động liên lạc với các con và không qua lại thăm nom, chăm sóc các con là vì mâu thuẫn giữa ông với gia đình bà K là không chính đáng. Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng và mâu thuẫn với gia đình bà K, ông Kh lấy lý do để từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các con chưa thành niên là phải có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và thương yêu các con, đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 69 và khoản 1, khoản 3 Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hiện tại, hai cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được bà K nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất. Vì vậy, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cũng như nguyện vọng của trẻ nên cần giao hai cháu Mai K1 và Đăng K2 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà K yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi hai cháu Mai K1 và Đăng K2 là 10.000.000đ (Mười triệu) đồng/01 tháng, cụ thể cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi hai con chung tròn đủ 18 tuổi, thấy rằng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện công việc hiện tại của ông Kh làm Nhân viên hành chính kho hàng 1 tại Công ty H Việt Nam với mức lương chính là 38.589.000 đồng/tháng. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*; đồng thời Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con"*. Khoản 1 Điều 21 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người chưa thành niên như sau: *"1. Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi"*. Hội đồng xét xử xét thấy, thu nhập và mức sống bình quân tại địa phương nơi hai cháu sinh sống thì yêu cầu của bà K là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thiết yếu của hai cháu và phù hợp với mức thu nhập, khả năng thực tế của ông Kh. Như đã lập luận tại đoạn [2.2], bà K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần buộc ông Kh phải đóng góp nuôi hai con với bà K là 10.000.000đ (Mười triệu)

đồng/01 tháng, cụ thể cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 5.000.000đ (Năm triệu) đồng/01 tháng.

[2.4] Về thời gian cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/12/2022 đến khi cháu Nguyễn Ngọc Mai K1 và cháu Nguyễn Đăng K2 thành niên (đủ 18 tuổi), yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.5] Về phương phức cấp dưỡng: Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng. Vì vậy, cần buộc ông Kh phải thực hiện cấp dưỡng định kỳ hằng tháng là phù hợp.

[2.6] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu ông Kh có đủ căn cứ cho rằng bà K không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà K và ông Kh thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà K và ông Kh đều khai không có nghĩa vụ dân sự chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí:

[6.1] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng.

[6.2] Theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thái Quỳnh K.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trịnh Thái Quỳnh K và ông Nguyễn Đăng Kh.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Giao hai con chung Nguyễn Ngọc Mai K1, sinh ngày: 17/01/2013 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày: 11/3/2014 cho bà Trịnh Thái Quỳnh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

1.2.2. Ông Nguyễn Đăng Kh phải đóng góp nuôi hai con với bà Trịnh Thái Quỳnh K là 10.000.000đ (Mười triệu) đồng/01 tháng, cụ thể cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 5.000.000đ (Năm triệu) đồng/01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Mai K1 và cháu Nguyễn Đăng K2 thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mồng 01 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/12/2022.

1.2.3. Ông Kh được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.2.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trịnh Thái Quỳnh K và ông Nguyễn Đăng Kh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà Trịnh Thái Quỳnh K và ông Nguyễn Đăng Kh khai không có nghĩa vụ dân sự chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí:

2.1. Bà Trịnh Thái Quỳnh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0031924 ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Đăng Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- UBND Phường F, quận V, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012, quyển số: 03 ngày 11/01/2012;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- UBND Phường 5, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số: 01/2013 ngày 07/11/2013
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính